

KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GDQP, AN K29 - YD1
K52 Hệ liên thông - Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Thông báo số: 67/TB - TTGDQPAN,
ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm GDQPAN Đại học Thái Nguyên)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (BẢO LƯU TỪ TRUNG CẤP)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
1	DTY20K7201010004	Chu Kim Anh	29/12/1994	Lai Châu	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	5,9	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,2	Khá	
2	DTY20K7201010003	Nguyễn Hoàng Anh	18/04/1994	Sơn La	CTY.K52A	7,5	8,0	8,0	7,0	7,3	6,8	7,5	8,0	8,0	7,5	7,6	7,3	Khá	
3	DTY20K7201010005	Bùi Xuân Bách	15/12/1991	Hà Nội	CTY.K52A	9,5	7,0	7,0	7,0	7,4	7,3	9,5	8,0	8,0	7,5	7,9	7,6	Khá	
4	DTY20K7201010007	Nguyễn Quốc Bảo	04/06/1989	Thái Nguyên	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,3	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,4	Khá	
5	DTY20K7201010009	Lương Thị Chiêm	09/06/1990	Cao Bằng	CTY.K52A	7,5	8,0	7,0	7,0	7,2	5,7	7,5	8,0	7,0	7,5	7,5	7,1	Khá	
6	DTY20K7201010014	Vũ Ngọc Cường	04/03/1994	Thái Nguyên	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	5,2	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,1	Khá	
7	DTY20K7201010015	Nguyễn Xuân Dần	13/10/1986	Hà Nội	CTY.K52A	9,5	7,0	8,0	8,0	8,1	7,0	9,5	9,0	7,0	8,0	8,2	7,9	Khá	
8	DTY20K7201010019	Lưu Thành Đạt	16/01/1994	Hưng Yên	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	8,0	7,9	7,3	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	
9	DTY20K7201010021	Lê Quang Đông	22/10/1997	Hà Nội	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	5,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,2	Khá	
10	DTY20K7201010023	Nguyễn Mạnh Giang	24/11/1993	Hà Nội	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	6,0	6,6	6,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,2	Khá	
11	DTY20K7201010026	Nông Thị Hải	25/09/1990	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	6,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
12	DTY20K7201010029	Đàm Thị Hào	26/11/1995	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	5,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	7,7	Khá	
13	DTY20K7201010030	Vũ Thu Hiền	22/04/1993	Yên Bái	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	6,1	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,3	Khá	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (BẢO LƯU TỪ TRUNG CẤP)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
14	DTY20K7201010036	Nguyễn Trọng Hiếu	16/04/1993	Long An	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	6,0	6,6	8,2	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,5	Khá	
15	DTY20K7201010033	Nguyễn Văn Hiếu	01/06/1999	Hà Nội	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	5,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,2	Khá	
16	DTY20K7201010037	Nguyễn Thị Hoa	16/05/1990	Vĩnh Phúc	CTY.K52A	7,0	7,0	8,0	8,0	7,8	5,0	7,0	8,0	8,0	8,0	7,9	7,3	Khá	
17	DTY20K7201010041	Vi Thị Thu Hòa	24/10/1995	Lạng Sơn	CTY.K52A	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	7,3	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
18	DTY20K7201010044	Nguyễn Thu Huê	01/04/1995	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	8,0	7,9	5,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
19	DTY20K7201010051	Phí Thị Thu Huyền	26/03/1999	Hà Nội	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	5,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,2	Khá	
20	DTY20K7201010047	Nguyễn Văn Hưng	17/09/1995	Bắc Giang	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
21	DTY20K7201010057	Nguyễn Đình Khánh	25/03/1992	Thái Nguyên	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,7	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,5	Khá	
22	DTY20K7201010061	Cung Thị Lăng	23/05/1994	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	8,4	8,0	8,0	8,0	8,5	8,3	7,9	Khá	
23	DTY20K7201010063	Hoàng Diệu Hương	01/12/1987	Lạng Sơn	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	6,8	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,5	Khá	
24	DTY20K7201010064	Ngô Thị Thùy Linh	20/10/1992	Lai Châu	CTY.K52A	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	7,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
25	DTY20K7201010070	Nguyễn Tiến Long	02/06/1991	Hà Nội	CTY.K52A	9,5	7,0	8,0	7,0	7,5	5,5	9,5	8,0	8,0	8,0	8,2	7,5	Khá	
26	DTY20K7201010068	Đỗ Ngọc Lợi	25/09/1979	Cà Mau	CTY.K52A	9,5	7,0	8,0	7,0	7,5	8,0	9,5	9,5	8,0	8,0	8,4	8,0	Giỏi	
27	DTY20K7201010074	Nguyễn Xuân Mạnh	04/05/1994	Hưng Yên	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
28	DTY20K7201010079	Nông Thị Trà My	03/10/1989	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,6	Khá	
29	DTY20K7201010084	Bạch Thị Nga	20/08/1994	Hà Nội	CTY.K52A	9,5	7,0	9,0	7,0	7,7	7,4	9,5	8,0	8,0	8,0	8,2	7,9	Khá	
30	DTY20K7201010083	Nguyễn Thị Nga	10/01/1994	Thái Bình	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
31	DTY20K7201010090	Hoàng Thị Ngọc	29/08/1993	Hà Nội	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
32	DTY20K7201010094	Lục Thị Nhung	12/01/1990	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (BẢO LƯU TỪ TRUNG CẤP)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
33	DTY20K7201010092	Vũ Thị Như	28/05/1993	Sơn La	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
34	DTY20K7201010096	Lương Xuân Phú	01/11/1994	Lào Cai	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	5,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
35	DTY20K7201010098	Dương Bình Phước	26/11/1999	Bắc Giang	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	8,0	8,0	8,0	7,0	7,5	7,6	7,5	Khá	
36	DTY20K7201010100	Trần Thị Hồng Phương	20/10/1986	Hà Tĩnh	CTY.K52A	7,0	8,0	8,0	7,0	7,3	7,0	7,0	8,0	8,0	8,0	7,9	7,5	Khá	
37	DTY20K7201010109	Vi Thị Quyên	10/06/1994	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	9,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	
38	DTY20K7201010114	Hoàng Kim Sỹ	20/10/1985	Quảng Trị	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
39	DTY20K7201010116	Nguyễn Minh Thái	03/10/1995	Thái Nguyên	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	5,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
40	DTY20K7201010121	Nguyễn Thị Huyền Thanh	09/04/1998	Thái Bình	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	9,0	8,4	6,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	
41	DTY20K7201010122	Lê Văn Thành	03/12/1991	Thanh Hóa	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	8,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	
42	DTY20K7201010125	Đình Thị Thảo	15/03/1984	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	9,0	9,0	8,0	8,3	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	
43	DTY20K7201010119	Hoàng Thị Thắm	04/11/1991	Bắc Kạn	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,4	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,8	Khá	
44	DTY20K7201010128	Quảng Văn Thiêm	18/02/1988	Điên Biên	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	6,0	6,7	6,2	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,1	Khá	
45	DTY20K7201010130	Triệu Trương Thị Thím	22/09/1989	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	7,0	8,0	7,0	7,3	6,6	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,4	Khá	
46	DTY20K7201010132	Lê Đức Thuận	06/06/1986	Cao Bằng	CTY.K52A	9,5	7,0	8,0	7,0	7,5	6,5	9,5	8,0	8,0	8,0	8,2	7,6	Khá	
47	DTY20K7201010135	Triệu Thị Bích Thùy	15/02/1997	Lạng Sơn	CTY.K52A	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,8	Khá	
48	DTY20K7201010137	Trần Thị Minh Thuyết	09/12/1988	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	5,6	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
49	DTY20K7201010138	Lò Thị Tiên	08/05/1988	Điên Biên	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	
50	DTY20K7201010141	Lý Thị Tình	11/02/1991	Cao Bằng	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
51	DTY20K7201010149	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/05/1998	Ninh Bình	CTY.K52A	7,5	7,0	7,0	7,0	7,1	5,0	7,5	8,0	8,0	8,0	7,9	7,1	Khá	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (BẢO LƯU TỪ TRUNG CẤP)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
52	DTY20K7201010148	Tạ Thị Phương Trang	30/12/1994	Phú Thọ	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	9,0	8,4	10,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,5	Giỏi	
53	DTY20K7201010143	Đinh Thị Trâm	15/07/1991	Sơn La	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
54	DTY20K7201010153	Lò Văn Trường	30/11/1996	Sơn La	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	8,0	7,8	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
55	DTY20K7201010154	Đỗ Thị Ngọc Tú	27/07/1987	Thái Nguyên	CTY.K52A	7,5	8,0	7,0	7,0	7,2	7,3	7,5	8,0	8,0	8,0	7,9	7,5	Khá	
56	DTY20K7201010159	Đỗ Xuân Tuyển	03/11/1980	Bắc Giang	CTY.K52A	8,0	8,0	7,0	6,0	6,7	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
57	DTY20K7201010161	Vũ Quang Vinh	15/08/1986	Vĩnh Phúc	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
58	DTY20K7201010163	Lôi Đình Vương	23/10/1990	Thái Nguyên	CTY.K52A	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	

Tổng số SV: 58

Xuất Sắc:

0

Khá:

54

Trung bình:

0

Giỏi:

4

Trung bình khá:

0

Không đạt:

0

TM. HỘI ĐỒNG THI

PHÓ CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Đinh Văn Long

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

ThS. Dương Thị Thanh Mai

NGƯỜI LÊN ĐIỂM

Đặng Thị Thùy Linh